

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU PLYWOOD VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU PLYWOOD VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PLYWOOD VN IMPORT AND EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110905869

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943793168

Fax:

Email: [xnkplywoodvn@gmail.com](mailto:xnkplywoodvn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622     |
| 4.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1623     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                  | 1629     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)                                                                                                                                                                            | 4620     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>+ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>+ Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>+ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>+ Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                              | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>+ Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                                                                                | 4663(Chính) |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>+ Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: + Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.<br>+ Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.<br>+ Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771        |
| 16. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4782        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4799        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210        |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224        |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7110        |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 18/03/1984      Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184023775

Ngày cấp: 19/05/2024      Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/03/1984      Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184023775

Ngày cấp: 19/05/2024      Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội